

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 3 năm 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tin.

Bà Nguyễn Thị Thủy Khơi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mông Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST - HNGĐ ngày 15/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1990; địa chỉ: Xóm L, xã Tân M, huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Chu Văn T, sinh năm: 1985; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Tân A, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2024, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Chu Văn T kết hôn ngày 07/10/2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân A, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường Tân A, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc Giang). Sau khi kết hôn chị và anh T cùng về chung sống

tại nhà của anh T tại Tổ dân phố Ng, thị trấn Tân A, huyện Yên D (nay là thành phố Bắc Gi), tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra giữa chị và anh T không quan tâm đến nhau. Hai bên đã tự hòa giải nhiều lần để vợ chồng hòa hợp nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Cuối năm 2020 chị về nhà bố mẹ để chị ở xóm L, xã Tân M, huyện Lạc S, tỉnh Hòa B sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Chu Minh K, sinh ngày 04/12/2014. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Chu Minh K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh T không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Văn T trình bày: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/10/2014 tại UBND xã Tân A, huyện Yên D, tỉnh Bắc G (nay là UBND phường Tân A, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc Giang). Sau khi kết hôn, chị H về nhà anh ở tổ dân phố N, phường Tân A sinh sống cùng anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở trên Hòa Bình sinh sống. Hai bên gia đình đã nói chuyện, hòa giải khuyên chị H về nhà đoàn tụ với anh nhưng chị H không về. Anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay, chị H xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn. Anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị H cùng anh thanh toán hết khoản nợ chung của vợ chồng.

Về con chung: Anh Tuấn và chị H có 01 con chung là cháu Chu Minh K, sinh ngày 04/12/2014. Hiện cháu K đang ở cùng anh. Anh làm lái xe, thu nhập của anh khoảng 20 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Anh không đồng ý ly hôn, tuy nhiên trường hợp Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh xác định trong quá trình chung sống, anh và chị H có vay nợ những khoản sau: Vay của ông Hà Đình X ở tổ dân phố Trại G,

phường Tân A, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc Giang số tiền 70 triệu đồng, vào khoảng năm 2016 để mua ô tô; vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên D (nay là thành phố Bắc G) số tiền 50.000.000 đồng.

Cháu Chu Minh K trình bày: Cháu là con của mẹ Bùi Thị H và bố Chu Văn T. Cháu đã được Tòa án thông báo về việc mẹ cháu là chị Bùi Thị H xin ly hôn bố cháu là Chu Văn T. Hiện nay cháu đang ở với bố Chu Văn T và học tại lớp 5B, trường tiểu học và Trung học cơ sở Tân An. Cháu không muốn bố mẹ ly hôn, trường hợp Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố Chu Văn T để thuận tiện cho việc học tập.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Chu Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị Hương, anh Tuấn và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271, 273, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Chu Văn T.
 - Về con chung: Giao cho anh T được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Chu Minh K, sinh ngày 04/12/2014.
 - Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Chu Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Chu Văn T, anh Tuấn có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố N, phường Tân A, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Bắc G, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Chu Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân A, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường Tân A, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc Giang) vào ngày 07/10/2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Chu Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị H và anh T đều xác nhận ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Chị H cho rằng đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế gia đình. Hai bên đã tự hòa giải nhiều lần để vợ chồng hòa hợp nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Cuối năm 2020 chị về nhà bố mẹ đẻ ở xóm L, xã Tân M, huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Về phía anh T, mặc dù không đồng ý ly hôn chị H nhưng bản thân anh T cũng xác nhận khoảng năm 2018 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở trên Hòa Bình sinh sống do vợ chồng mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã hòa giải để chị H về chung sống cùng anh nhưng chị H không về. Anh T cũng xác nhận vợ sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Ngoài ra, Tòa án còn tiến hành xác minh tại địa phương, ông Trần Văn L - Tổ trưởng tổ dân phố N, phường Tân A, ông L cung cấp: Anh Chu Văn T và chị Bùi Thị H kết hôn năm 2014. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh T ở sinh sống cùng anh T ngay. Đến khoảng năm 2018 do vợ chồng có mâu thuẫn, chị H đã bỏ

đi không sống cùng anh T nữa. Anh Tuấn, chị H ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, chứng tỏ hôn nhân giữa chị H anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị H anh T có 01 con chung là cháu Chu Minh K, sinh ngày 04/12/2014. Hiện cháu K đang ở cùng anh Tuấn. Ly hôn chị H và anh T đều nhất trí đề nghị Tòa án giao cháu Chu Minh K cho anh Tuấn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình Tòa án lấy lời khai của cháu K, cháu cũng có nguyện vọng được ở với anh T. Do vậy, HĐXX cần giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Chu Minh K là phù hợp nguyện vọng của các bên và phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi vợ chồng ly hôn chị H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[3.3]. Về tài sản chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4]. Về công nợ: Anh T trình bày về công nợ, cụ thể là anh và chị H có vay của ông Hà Đình X ở tổ dân phố Trại G, phường Tân A, thành phố Bắc G, tỉnh Bắc G số tiền 70 triệu đồng và vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên D (nay là thành phố Bắc G) số tiền 50.000.000 đồng. Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu anh T cung cấp tài liệu chứng cứ là giấy vay tiền của 02 khoản vay trên và hướng dẫn anh làm đơn khởi kiện yêu cầu chia công nợ chung của vợ chồng, tuy nhiên đến nay anh T không cung cấp những tài liệu chứng cứ nêu trên. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 200 BLTTDS, HĐXX không xem xét giải quyết về công nợ của anh T chị H trong vụ án này.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Chu Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Chu Minh K, sinh ngày 04/12/2014 cho anh Chu Văn T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị Hương có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005400 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên D (nay là thành phố Bắc G). Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tp Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp Bắc Giang;
- UBND phường Tân An, tp Bắc Giang

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Anh

